

# MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG MỀM VÀ NĂNG LỰC SỐ CHO SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TOÀN CẦU HÓA

Đinh Văn Sáng

Khoa Khoa học cơ bản, Trường Cao đẳng Lào Cai

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa, sinh viên cần không chỉ giỏi chuyên môn mà còn phải có kỹ năng mềm và năng lực số để thích ứng với sự thay đổi của xã hội hiện đại. Bài viết phân tích mối quan hệ giữa phát triển kỹ năng mềm và năng lực số, chỉ ra sự gắn bó, bổ trợ lẫn nhau giữa hai yếu tố này trong việc hình thành năng lực toàn diện cho sinh viên. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số định hướng nhằm tích hợp rèn luyện kỹ năng mềm với phát triển năng lực số trong đào tạo đại học, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ trong thời đại 4.0.

**Từ khóa:** kỹ năng mềm, năng lực số, sinh viên, chuyển đổi số, toàn cầu hóa.

## THE RELATIONSHIP BETWEEN SOFT-SKILLS DEVELOPMENT AND DIGITAL COMPETENCE AMONG STUDENTS IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION AND GLOBALIZATION

**Abstract:** In the context of digital transformation and globalization, students must possess not only disciplinary expertise but also soft skills and digital competence to adapt to the rapid changes of contemporary society. This article analyzes the relationship between soft-skills development and digital competence, highlighting their close, mutually reinforcing roles in shaping students' comprehensive capabilities. Building on this analysis, the study proposes several directions for integrating soft-skills training with the development of digital competence in higher education, thereby contributing to the enhancement of the young workforce in the era of the Fourth Industrial Revolution.

**Keywords:** soft skills; digital competence; students; digital transformation; globalization.

Ngày nhận bài: 19/10/2025

Ngày phản biện: 20/10/2025

Ngày duyệt đăng: 24/10/2025

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, giáo dục đại học Việt Nam đứng trước yêu cầu cấp thiết phải đổi mới nội dung, phương pháp và mục tiêu đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động hiện đại. Sự phát triển của khoa học – công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, đang làm thay đổi căn bản cách con người học tập, làm việc và giao tiếp. Điều này đòi hỏi sinh viên – lực lượng lao động tương lai – không chỉ vững vàng về kiến thức chuyên môn mà còn phải sở hữu kỹ năng mềm và năng lực số để thích ứng, sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Kỹ năng mềm giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy, giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề – những yếu tố cốt lõi trong môi trường lao động toàn cầu. Trong khi đó, năng lực số giúp họ làm chủ công nghệ, sử dụng hiệu quả các công cụ số trong học tập và nghề nghiệp. Hai nhóm năng lực này không tồn tại tách biệt mà có mối quan hệ hữu cơ, bổ trợ lẫn nhau, tạo nên nền tảng cho năng lực thích ứng số – năng lực quan trọng của công dân toàn cầu trong thế kỷ XXI.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc rèn luyện kỹ năng mềm và năng lực số của sinh viên Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế: chưa được tích hợp hiệu quả trong chương trình đào tạo, thiếu môi trường

thực hành, và chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp. Vì vậy, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển kỹ năng mềm và năng lực số cho sinh viên không chỉ mang ý nghĩa lý luận mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong thời đại chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Khái niệm kỹ năng mềm

Khái niệm “kỹ năng mềm” (soft skills) được hiểu theo nhiều góc độ khác nhau, tùy thuộc vào cách tiếp cận của các nhà nghiên cứu, tổ chức giáo dục và bối cảnh xã hội. Tựu trung, kỹ năng mềm là tập hợp các năng lực thuộc về hành vi, thái độ, cảm xúc và khả năng giao tiếp của con người, giúp cá nhân thích ứng, hợp tác, giải quyết vấn đề và làm việc hiệu quả trong môi trường xã hội và nghề nghiệp.

Theo Robles (2012), kỹ năng mềm là “những đặc điểm cá nhân mang tính phi kỹ thuật, bao gồm giao tiếp, thái độ, và tính linh hoạt, giúp con người làm việc hiệu quả với người khác”. Trong khi đó, UNESCO (2019) coi kỹ năng mềm là nhóm năng lực cốt lõi trong giáo dục thế kỷ XXI, bao gồm: tư duy phản biện, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, và khả năng tự định hướng.

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO, 2020) định nghĩa kỹ năng mềm là “các kỹ năng có thể chuyển đổi được (transferable skills), không gắn với ngành nghề cụ thể, nhưng có vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực nghề nghiệp bền vững”. Các kỹ năng này giúp người học thích ứng với thay đổi nhanh chóng của công nghệ, thị trường lao động và toàn cầu hóa.

Từ góc độ tâm lý – giáo dục học, kỹ năng mềm được xem là sự kết hợp hài hòa giữa tri thức, cảm xúc, thái độ và hành vi. Chúng được hình thành qua quá trình học tập, trải nghiệm và tương tác xã hội, không thể học chỉ bằng lý thuyết mà phải được rèn luyện thường xuyên trong môi trường thực tiễn.

Về mặt phân loại, có thể chia kỹ năng mềm của sinh viên thành các nhóm chính:

Nhóm kỹ năng cá nhân (self-skills): gồm kỹ năng quản lý thời gian, tư duy phản biện, sáng tạo, quản lý cảm xúc, định hướng mục tiêu, tự học và phát triển bản thân.

Nhóm kỹ năng xã hội (social skills): gồm kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, hợp tác, làm việc nhóm, đàm phán, giải quyết xung đột và thích ứng văn hóa.

Nhóm kỹ năng nghề nghiệp (career skills): gồm kỹ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, lãnh đạo, quản lý dự án, và kỹ năng số (digital skills) trong môi trường công việc hiện đại.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa, khái niệm kỹ năng mềm không chỉ dừng lại ở khả năng giao tiếp và hợp tác thông thường mà còn mở rộng sang năng lực thích ứng số (digital adaptability), giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication), và tư duy học tập suốt đời (lifelong learning mindset). Những năng lực này giúp sinh viên chủ động học hỏi, sáng tạo và hội nhập hiệu quả trong môi trường làm việc toàn cầu, nơi ranh giới giữa các quốc gia, ngành nghề và văn hóa đang dần bị xóa nhòa.

## 2.2. Vai trò của kỹ năng mềm đối với sinh viên

Trong bối cảnh giáo dục đại học hướng đến phát triển năng lực toàn diện cho người học, kỹ năng mềm giữ vai trò then chốt, bổ trợ cho tri thức chuyên môn và là yếu tố quyết định đến khả năng thành công của sinh viên sau khi ra trường. Nếu kiến thức chuyên môn được coi là “nền móng” thì kỹ năng mềm chính là “chìa khóa” mở ra cơ hội ứng dụng kiến thức vào thực tiễn và phát triển nghề nghiệp bền vững.

Trước hết, kỹ năng mềm giúp sinh viên nâng cao hiệu quả học tập và tự quản lý bản thân. Trong

môi trường học tập hiện đại, sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức một chiều mà còn phải chủ động tìm tòi, nghiên cứu, hợp tác và giải quyết vấn đề. Kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học và tự đánh giá giúp sinh viên biết lập kế hoạch, xác định mục tiêu học tập, kiểm soát cảm xúc và kiên trì theo đuổi quá trình phát triển cá nhân. Việc sở hữu các kỹ năng này giúp sinh viên không rơi vào trạng thái học thụ động, mà trở thành chủ thể tích cực của quá trình học tập suốt đời.

Thứ hai, kỹ năng mềm là cầu nối giúp sinh viên chuyển hóa kiến thức chuyên môn thành năng lực thực hành nghề nghiệp. Trong quá trình làm việc, kiến thức chỉ chiếm một phần nhỏ trong thành công, phần còn lại phụ thuộc vào khả năng giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy sáng tạo, ra quyết định và giải quyết vấn đề. Doanh nghiệp hiện nay đánh giá cao những sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng, hợp tác hiệu quả và thích ứng nhanh với thay đổi. Điều này cho thấy kỹ năng mềm không chỉ là yếu tố phụ trợ mà còn là năng lực cốt lõi của người lao động trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

Thứ ba, kỹ năng mềm góp phần hình thành nhân cách, bản lĩnh và giá trị sống của sinh viên. Thông qua các hoạt động rèn luyện kỹ năng như làm việc nhóm, tham gia câu lạc bộ, hoạt động xã hội, sinh viên được rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tính kỷ luật, lòng nhân ái và khả năng thấu cảm. Đây là những phẩm chất cần thiết giúp họ trở thành công dân tích cực, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng và xã hội. Như Hồ Chí Minh từng nói: *“Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó.”* Việc rèn luyện kỹ năng mềm thực chất cũng là quá trình hình thành “đức” trong nhân cách sinh viên – yếu tố làm nên giá trị con người Việt Nam trong thời đại mới.

Thứ tư, trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa, kỹ năng mềm còn là điều kiện tiên quyết để sinh viên hội nhập quốc tế. Làm việc trong môi trường toàn cầu đòi hỏi khả năng giao tiếp đa văn hóa, sử dụng ngoại ngữ thành thạo, tư duy sáng tạo và khả năng hợp tác trực tuyến. Các kỹ năng như giao tiếp bằng tiếng Anh, sử dụng công nghệ, thích ứng nhanh với môi trường số, và khả năng học tập linh hoạt giúp sinh viên vượt qua rào cản ngôn ngữ, văn hóa, địa lý để tham gia thị trường lao động quốc tế. Có thể nói, kỹ năng mềm là “hộ chiếu nghề nghiệp” giúp sinh viên khẳng định vị thế trong nền kinh tế tri thức toàn cầu.

Thứ năm, kỹ năng mềm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong sinh viên. Những người có kỹ năng mềm tốt thường có tư duy cởi mở, khả năng chấp nhận rủi ro, biết lắng nghe và làm việc độc lập, đồng thời có năng lực kết nối và lãnh đạo nhóm. Đây là những phẩm chất quan trọng giúp sinh viên dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm – yếu tố cốt lõi để hình thành thế hệ trẻ sáng tạo, năng động, có khát vọng vươn lên.

Cuối cùng, kỹ năng mềm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo lợi thế cho sinh viên trên thị trường lao động. Trong cùng một vị trí tuyển dụng, nhà tuyển dụng thường ưu tiên ứng viên có kỹ năng giao tiếp tốt, biết phối hợp nhóm và có khả năng thích ứng nhanh. Theo báo cáo của World Economic Forum (2023), 85% thành công trong công việc đến từ kỹ năng mềm, trong khi kỹ năng chuyên môn chỉ chiếm khoảng 15%. Điều này càng khẳng định rằng, phát triển kỹ năng mềm không chỉ là xu hướng mà là yêu cầu tất yếu của giáo dục đại học trong thời đại 4.0.

### **2.3. Mối quan hệ giữa phát triển kỹ năng mềm và năng lực số cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa**

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện, kỹ năng mềm (soft skills) và năng lực số (digital competence) không tồn tại tách biệt, mà có mối quan hệ hữu cơ, tương hỗ và bổ sung lẫn nhau trong việc hình thành năng lực toàn diện của sinh viên thế kỷ XXI. Nếu năng lực số giúp người học làm chủ công nghệ, phương tiện và môi trường học tập hiện đại, thì kỹ năng mềm lại giúp họ vận dụng công nghệ một cách hiệu quả, có trách nhiệm và nhân văn. Hai nhóm năng lực này kết hợp với nhau tạo nên nền tảng của “năng lực thích ứng số” (digital adaptability) – một trong những năng lực cốt lõi của công dân toàn cầu trong thời đại 4.0.

#### *2.3.1. Kỹ năng mềm là điều kiện để phát huy năng lực số*

Công nghệ chỉ phát huy được giá trị khi con người có khả năng sử dụng nó một cách linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả. Một sinh viên có năng lực số cao nhưng thiếu kỹ năng mềm sẽ gặp khó khăn khi làm việc nhóm trực tuyến, hợp tác đa văn hóa, hay khi giải quyết mâu thuẫn trong môi trường học tập và làm việc ảo.

Ngược lại, những sinh viên có kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện, khả năng tự học, quản lý thời gian và cảm xúc tốt thường dễ dàng tận dụng công nghệ để học tập, nghiên cứu, và phát triển bản thân. Ví dụ, kỹ năng tự học kết hợp với công

cụ số như Coursera, ChatGPT hay Google Scholar giúp sinh viên chủ động mở rộng tri thức; kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm giúp họ hợp tác hiệu quả qua các nền tảng trực tuyến như Zoom, Teams, hay Slack.

Do đó, kỹ năng mềm chính là “chất xúc tác” giúp năng lực số không chỉ dừng lại ở thao tác kỹ thuật mà trở thành năng lực hành động có giá trị xã hội và nhân văn.

#### *2.3.2. Năng lực số là công cụ hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm*

Trong môi trường số, các kỹ năng mềm được rèn luyện và biểu hiện thông qua công nghệ. Việc sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, phần mềm mô phỏng, hay mạng xã hội học thuật giúp sinh viên phát triển các kỹ năng mềm một cách tự nhiên.

Kỹ năng giao tiếp được thể hiện qua việc trao đổi, thuyết trình và phản hồi trên các diễn đàn trực tuyến; Kỹ năng hợp tác được phát triển thông qua các dự án học tập nhóm sử dụng công cụ cộng tác số như Google Workspace, Trello, Miro; Kỹ năng sáng tạo được khơi dậy khi sinh viên thiết kế sản phẩm học tập bằng các ứng dụng như Canva, Figma, hay công cụ AI hỗ trợ thiết kế nội dung; Kỹ năng tự học được củng cố thông qua việc truy cập, đánh giá và chọn lọc nguồn tri thức khổng lồ trên không gian mạng.

Như vậy, năng lực số không chỉ giúp sinh viên làm chủ công nghệ, mà còn mở ra không gian mới để thực hành và phát triển kỹ năng mềm – từ đó tạo ra sự hòa quyện giữa tri thức, kỹ thuật và cảm xúc con người.

#### *2.3.3. Kỹ năng mềm và năng lực số cùng góp phần hình thành “năng lực công dân số”*

Theo khung năng lực công dân số của UNESCO (2021), một công dân số cần có bốn nhóm năng lực chính: hiểu biết kỹ thuật số; giao tiếp và hợp tác số; sáng tạo nội dung số; ứng xử có đạo đức và trách nhiệm trên không gian mạng. Tất cả các nhóm năng lực này đều liên quan mật thiết đến kỹ năng mềm – đặc biệt là kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, hợp tác và đạo đức nghề nghiệp.

Chẳng hạn, kỹ năng giao tiếp giúp sinh viên thể hiện bản thân một cách phù hợp, lịch sự trong môi trường trực tuyến; kỹ năng tư duy phản biện giúp họ đánh giá độ tin cậy của nguồn thông tin; kỹ năng giải quyết vấn đề giúp xử lý tình huống trên mạng xã hội một cách văn minh; trong khi đó, kỹ năng tự kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp giúp họ tôn trọng bản quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân và tránh các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

2.3.4. *Mối quan hệ này mang tính hai chiều và phát triển liên tục.*

Kỹ năng mềm và năng lực số không phải là hai lĩnh vực riêng rẽ mà là hai mặt của cùng một quá trình phát triển nhân lực trong thời đại số. Kỹ năng mềm là “gốc” của năng lực hành vi, còn năng lực số là “ngọn” thể hiện sự thích ứng với công nghệ. Trong quá trình học tập và làm việc, hai yếu tố này tác động qua lại, bổ trợ và cùng tiến hóa.

Ví dụ, khi sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm qua môi trường trực tuyến, họ không chỉ học cách giao tiếp và phối hợp, mà đồng thời nâng cao năng lực sử dụng công cụ số. Ngược lại, khi sử dụng công cụ công nghệ hiệu quả, họ lại học được cách tổ chức công việc, lập kế hoạch và giao tiếp chuyên nghiệp hơn.

2.3.5. *Sự kết hợp giữa kỹ năng mềm và năng lực số là xu hướng đào tạo tất yếu của giáo dục hiện đại*

Nhiều quốc gia đã xác định phát triển “kỹ năng mềm trong môi trường số” (digital soft skills) là mục tiêu trọng tâm của giáo dục thế kỷ XXI. Tại châu Âu, khung năng lực DigComp 2.2 (European Commission, 2022) đã nhấn mạnh đến việc kết hợp giữa năng lực công nghệ và kỹ năng xã hội trong đào tạo. Ở châu Á, các nước như Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản đã đưa kỹ năng mềm gắn với kỹ năng số vào chương trình học từ bậc phổ thông đến đại học.

Ở Việt Nam, Chiến lược chuyển đổi số ngành giáo dục (Bộ GD&ĐT, 2021) cũng khẳng định mục tiêu “phát triển công dân số có năng lực chuyên môn, kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức số”, cho thấy tầm quan trọng của việc tích hợp hai nhóm năng lực này trong đào tạo sinh viên.

### III. KẾT LUẬN

Trong thời đại chuyển đổi số và toàn cầu hóa, kỹ năng mềm và năng lực số là hai yếu tố then chốt, gắn bó chặt chẽ trong quá trình hình thành và phát triển năng lực toàn diện cho sinh viên. Nếu kỹ năng mềm giúp người học biết cách tư duy, giao tiếp, hợp tác và thích ứng với môi trường biến đổi, thì năng lực số giúp họ làm chủ công nghệ, khai thác thông tin và sáng tạo trong không gian số. Hai năng lực này kết hợp hài hòa sẽ hình thành “năng lực thích ứng số” – một yêu cầu cốt lõi đối với công dân trong nền kinh tế tri thức.

Mối quan hệ giữa kỹ năng mềm và năng lực số là mối quan hệ tương hỗ, hai chiều và liên tục phát triển: kỹ năng mềm là nền tảng để phát huy năng lực số, còn năng lực số là công cụ để mở rộng và củng cố kỹ năng mềm. Thông qua các môi trường học tập số, sinh viên có thể rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện và tự học một cách hiệu quả hơn, đồng thời hình thành tư duy hội nhập và đạo đức công dân số.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chiến lược chuyển đổi số ngành giáo dục giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.

Chính phủ (2020), *Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020*.

Đỗ Thị Thảo (2022), *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số*, Tạp chí Giáo dục, số 507, tr. 24–28.

Nguyễn Thị Thanh Huyền (2021), *Phát triển năng lực số cho sinh viên trong giáo dục đại học Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 66(9), tr. 135–142.